

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Phạm Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Hùng
2. Ông Lê Bình Triều

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 366/2020/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc D – sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Trịnh Quang Q – sinh năm 1980 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Ngọc D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 15/4/2002. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Quang Q.

Về con chung: Chị D và anh Q có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc Linh, sinh năm 2003 và Trịnh Minh Trí, sinh năm 2004 hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công tác nên chị D xin xét xử vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho anh Trịnh Quang Q nhưng anh Q không có ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án: Đề nghị xét xử vắng mặt chị D và anh Q, yêu cầu của chị D về hôn nhân, con chung là có cơ sở chấp nhận, tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không xem xét, về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lê Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Trịnh Quang Q. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh Q có nơi cư trú tại ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D và anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để xét xử sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng chị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 15/4/2002. Thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Q chơi cờ bạc, làm tiêu tán tài sản gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Q nhiều lần đánh đập, chửi rủa chị D. Do không thể chung sống với nhau nên anh Q đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp 3, xã T ở khoảng 08 tháng nay và vợ chồng sống ly thân từ đó. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bên cha mẹ chồng không hàn gắn cho vợ chồng đoàn tụ, ngược lại còn bênh vực anh Q nên hai bên sui gia đã không còn hòa thuận. Điều này phù hợp với biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/8/2020. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị D và anh Q có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia

đình nhưng anh Q vẫn vắng mặt không lý do là không có thiện chí hòa giải đoàn tụ. Điều đó, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh Q.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh Q có 02 người con chung tên Trịnh Ngọc Linh, sinh năm 2003 và Trịnh Minh Trí, sinh năm 2004 hiện đang ở với chị D nên cần giao cháu Linh và cháu Trí cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con do chị D không yêu cầu nên không xem xét.

Anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Chị D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 21/8/2020 cũng xác định không nghe ai thừa kiện anh chị về nợ tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do chị D đã dự nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Lê Ngọc D và anh Trịnh Quang Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc D được ly hôn với anh Trịnh Quang Q.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Ngọc Linh – sinh ngày 16/3/2003 và cháu Trịnh Minh Trí - sinh ngày 04/7/2004 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Q không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Q không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/7/2020 chị D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011335 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Chị D và anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- UBND xã Thới Bình;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Phạm Lan Chi